Chi tiết mã HS 3919.90.10

Mã HS	3919.90.10
Mô tả hàng hóa	Tấm, phiến, màng, lá, băng, dải và các hình dạng phẳng khác tự dính, bằng plastic, có hoặc không ở dạng cuộn / - Loại khác: / - - Từ các polyme từ vinyl clorua
Đơn vị	kg/m2/chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 02:49:12
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/39199010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	18	18%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K6006
Thuế NK ưu đãi (MFN)	12	12%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N6006
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q6006
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-MY, MM, PH)	0% (trừ MY, MM, PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-ID, PH)	0% (trừ ID, PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5815
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5776
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5776
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5776
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5776
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5776
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5776
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5820
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5820
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5820

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5820
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5820
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5820
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5818
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5818
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5818
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5818
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5818
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5818
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5822
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5782
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5778
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5778
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5778
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5778
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5778
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5778
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5791
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5791
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5791
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5791
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5791
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5791
VCFTA	2022	2022	2	VC!D5844
VCFTA	2023	2023	1	VC!E5844
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5844

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5844
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5844
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5844
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5829
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5829
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5829
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5829
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5829
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5829
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5832
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5832
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5832
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5832
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5832
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5832
EVFTA	2022	2022	3	EV-NK!D5817
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5817
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5817
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5817
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5817
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5817
UKVFTA	2022	2022	3	UKV!D5819
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5819
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5819
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5819
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5819

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5819
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5801
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5801
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5801
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5801
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5801
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5801
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5801
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5822
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5822
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5822
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5822
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5822
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5822
RCEP B	2022	2022	0	B!D5822
RCEP B	2023	2023	0	B!E5822
RCEP B	2024	2024	0	B!F5822
RCEP B	2025	2025	0	B!G5822
RCEP B	2026	2026	0	B!H5822
RCEP B	2027	2027	0	B!I5822
RCEP C	2022	2022	0	C!D5822
RCEP C	2023	2023	0	C!E5822
RCEP C	2024	2024	0	C!F5822
RCEP C	2025	2025	0	C!G5822
RCEP C	2026	2026	0	C!H5822
RCEP C	2027	2027	0	C!I5822

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D5822
RCEP D	2023	2023	0	D!E5822
RCEP D	2024	2024	0	D!F5822
RCEP D	2025	2025	0	D!G5822
RCEP D	2026	2026	0	D!H5822
RCEP D	2027	2027	0	D!I5822
RCEP E	2022	2022	0	E!D5825
RCEP E	2023	2023	0	E!E5825
RCEP E	2024	2024	0	E!F5825
RCEP E	2025	2025	0	E!G5825
RCEP E	2026	2026	0	E!H5825
RCEP E	2027	2027	0	E!I5825
RCEP F	2022	2022	0	F!D5822
RCEP F	2023	2023	0	F!E5822
RCEP F	2024	2024	0	F!F5822
RCEP F	2025	2025	0	F!G5822
RCEP F	2026	2026	0	F!H5822
RCEP F	2027	2027	0	F!I5822
VIFTA	2024	2024	0	VI!F5372
VIFTA	2025	2025	0	VI!G5372
VIFTA	2026	2026	0	VI!H5372
VIFTA	2027	2027	0	VI!I5372

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3919.90 có 5 dòng thuế; dòng 3919.90.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Từ các polyme từ vinyl clorua.	3919.90.20 Từ protein đã được làm cứng; 3919.90.91 Từ các dẫn xuất hóa học của cao su tự nhiên; 3919.90.92 Từ các polyme trùng hợp; từ các polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp; từ nitrat xenlulo, các acetat xenlulo và các dẫn xuất hóa học khác của xenlulo, đã hóa dẻo; 3919.90.99 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3919.90.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 12% của mã 3919.90.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N6006), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.